

Số: 439 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án phát triển thể thao thành tích cao
tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018;

Căn cứ Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 757-TB/TU ngày 19/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 47 (khóa XII), nhiệm kỳ 2020-2025; Công văn số 1409-CV/TU ngày 02/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc cho ý kiến về Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2022-2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 57/TTr-SVHTTDL ngày 06/9/2022 và Công văn số 28/SVHTTDL-QLTDTT ngày 10/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2030.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Gửi bản điện tử:*
- Như Điều 3 (t/h);
 - TT Tỉnh ủy (b/c);
 - TT HĐND tỉnh (b/c);
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
 - CVP, PCVP (Ô. Minh);
 - Lưu: VT, Việt, Lam.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Duy Hưng

ĐỀ ÁN**Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2030**

*(Kèm theo Quyết định số: 439/QĐ-UBND ngày 20/3/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

**Phần thứ nhất
ĐẶT VẤN ĐỀ****I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Trong những năm qua, thể dục thể thao (TDTT) tỉnh Bắc Kạn nhất là phong trào TDTT quần chúng đã có bước phát triển khá mạnh mẽ, góp phần tích cực vào việc nâng cao thể chất và đời sống tinh thần cho Nhân dân. Tuy nhiên, thể thao thành tích cao phát triển chưa tương xứng với sự phát triển của phong trào TDTT quần chúng, chưa tương xứng với tiềm năng và tố chất của con người tỉnh Bắc Kạn, đặc biệt trong những năm gần đây chất lượng và thành tích thi đấu của vận động viên (VĐV) thể thao thành tích cao tỉnh có phần tụt hậu so với sự phát triển chung về thể thao của các tỉnh, thành trong toàn quốc.

Bên cạnh đó, tỉnh chưa có kế hoạch, chiến lược dài hạn cho việc phát triển thể thao thành tích cao, chưa xác định mục tiêu, chỉ tiêu cũng như các môn thể thao trọng điểm để tập trung đầu tư cho tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện nâng cao chất lượng và thành tích thi đấu cho VĐV của tỉnh.

Với mục tiêu phát triển đồng bộ giữa thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao, từng bước nâng tầm thành tích thi đấu của các VĐV thể thao của tỉnh tại các giải thể thao khu vực và toàn quốc, góp phần cung cấp các tài năng thể thao của tỉnh cho các đội tuyển trẻ, đội tuyển quốc gia tham gia thi đấu tại các đấu trường khu vực và quốc tế trong thời gian tới, qua đó góp phần quảng bá hình ảnh, con người Bắc Kạn đến với bạn bè trong và ngoài nước thông qua hoạt động thi đấu thể thao thành tích cao, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2030”, đây là nhiệm vụ cần thiết và cấp bách trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện VĐV, từng bước đưa thể thao thành tích cao của tỉnh phát triển.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**1. Văn bản của trung ương**

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII;
- Luật Thể dục, Thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao ngày 14/6/2018;
- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường;

- Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

- Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao;

- Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030";

- Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030";

- Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao.

- Quyết định số 407/QĐ-BVHTTDL ngày 14/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình cung cấp dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao.

2. Văn bản của tỉnh

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của HĐND tỉnh quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và giải thi đấu thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án Sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ;

- Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án đảm bảo cơ sở vật chất văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn năm 2021-2025.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2021

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác quản lý, chỉ đạo

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã thường xuyên, kịp thời chỉ đạo thực hiện khá hiệu quả công tác phát triển TDTT trong toàn tỉnh. Thực hiện Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 09/01/2012 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, HĐND tỉnh đã ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chế độ dinh dưỡng, chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ, tiền thưởng... đối với huấn luyện viên (HLV), VĐV thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh. Đồng thời UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa các chủ trương của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh và tổ chức triển khai các nhiệm vụ về công tác thể thao thành tích cao trọng tâm là Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, triển khai Đề án đảm bảo cơ sở vật chất văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn năm 2021-2025. Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo triển khai các kế hoạch, hoạt động TDTT giai đoạn 2018-2020 định hướng đến năm 2025, qua đó tuyển chọn được những VĐV xuất sắc trong trường học tạo nguồn tuyển chọn VĐV cho phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh.

2. Lực lượng VĐV, HLV

2.1. Lực lượng VĐV

Công tác tuyển chọn, đào tạo lực lượng VĐV được quan tâm thực hiện, đặc biệt là lực lượng VĐV trẻ, năng khiếu, tập trung đào tạo các VĐV ở 5 môn thể thao là Điền kinh, Taekwondo, Muay, Kicboxing và Bắn cung. Số lượng đào tạo VĐV duy trì từ 24 đến 35 VĐV ăn, ở tập trung thuộc đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu.

Giai đoạn 2016-2021 tỉnh Bắc Kạn đã đào tạo được 13 lượt VĐV kiện tướng, 35 lượt VĐV cấp I, cung cấp 6 VĐV cho đội tuyển trẻ Quốc gia.

2.2. Lực lượng HLV

Đội ngũ HLV tuy không tăng về số lượng nhưng ngày càng trưởng thành hơn, năng động, sáng tạo, trình độ chuyên môn và năng lực hoạt động thực tiễn không ngừng được nâng cao, khẳng định vai trò trong việc phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh. Tuy nhiên lực lượng HLV còn mỏng nên khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo VĐV trong xu thế phát triển ngày càng mạnh mẽ của thể thao thành tích cao giai đoạn hiện nay.

* Số lượng VĐV, HLV thực hiện giai đoạn 2016-2021 cụ thể như sau:

TT	Môn	2016		2017		2018		2019		2020		2021	
		VĐV	HLV	VĐV	HLV	VĐV	HLV	VĐV	HLV	VĐV	HLV	VĐV	HLV
1	Bắn cung	11	2	10	2	10	2	8	1	8	1	8	1
2	Điền Kinh	12	2	10	2	10	1	7	1	7	1	7	1
3	Kickboxing			5	1	5	1	3	1	6	1	6	1
4	Muay									3		3	
5	Taekwondo	11	1	10	1	10	1	8	1	8	1	8	1
Cộng		34	5	35	6	35	5	26	4	32	4	32	4

3. Hệ thống cơ sở vật chất

Trên cơ sở quy hoạch phát triển TDTT, tỉnh đã từng bước triển khai quy hoạch, bố trí đất và xây dựng hệ thống các công trình thể thao. Hiện tại, khu Văn hóa - Thể thao tỉnh dần được đầu tư xây dựng; các huyện, thành phố từng bước bố trí quỹ đất và đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cho TDTT. Tuy nhiên mức độ đầu tư còn hạn chế chủ yếu là các sân tập, nhà tập đơn giản. Cụ thể:

- Cấp tỉnh: Đất dành cho TDTT là 5,69 ha, đã được đầu tư xây dựng 1 nhà thi đấu đa năng 2.000 chỗ ngồi, 3 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 2 sân quần vợt, 1 nhà tập luyện đồng thời là nhà ở cho VĐV.

- Cấp huyện: Đã đầu tư xây dựng 3 sân vận động đơn giản (tại huyện Ngân Sơn, Pác Nặm, Bạch Thông).

- Cấp xã: Các xã, phường, thị trấn đã có quy hoạch đất dành cho TDTT. Trong đó trên 12% số xã, phường, thị trấn đã dành quỹ đất cho TDTT.

4. Ngân sách chi cho đào tạo VĐV và tham gia các giải đấu toàn quốc

Kinh phí cấp cho công tác tuyển chọn và đào tạo VĐV, đầu tư trang thiết bị dụng cụ tập luyện, tập huấn, thi đấu hàng năm chưa nhiều, cụ thể:

TT	Năm	Kinh phí đào tạo VĐV	Kinh phí thi đấu toàn quốc
1	Năm 2016	1.300.000.000đ	274.000.000đ
2	Năm 2017	1.544.000.000đ	330.000.000đ
3	Năm 2018	1.544.000.000đ	343.000.000đ
4	Năm 2019	1.544.000.000đ	342.000.000đ
5	Năm 2020	2.147.000.000đ	520.000.000đ
6	Năm 2021	2.147.000.000đ	530.000.000đ
7	Năm 2022	2.357.000.000đ	650.000.000đ

5. Thành tích thi đấu

Hàng năm, tổ chức từ 6 đến 8 đoàn VĐV tham gia các giải thi đấu toàn quốc, số huy chương hàng năm đạt được bình quân đạt 12,1 huy chương các loại, cụ thể:

Năm	Số VĐV đào tạo	Số giải thi đấu	Huy chương (cái)			Số VĐV đạt đẳng cấp quốc gia (lượt)		
			Tổng số	Trong đó			Kiện tướng	Cấp I
				HCV	HCB	HCD		
2016	34	6	14	3	3	8	3	4
2017	35	6	9	1	1	7	3	4
2018	35	8	16	1	3	12	3	4
2019	26	7	14	3	1	10	1	4
2020	32	8	12	3	3	6	2	9
2021	32	8	8	3	3	2	1	10
Tổng	195	43	73	14	14	45	13	35

Tham dự Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ VI, năm 2010 đạt 3 HCV, 4 HCB, 4 HCD, nằm trong top 10 tỉnh miền núi xuất sắc nhất; Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ XII, năm 2014 không giành được huy chương; Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ XIII, năm 2018 đạt 1 HCD, xếp hạng thứ 18/19 các tỉnh miền núi.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về công tác quản lý, chỉ đạo

Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa thực sự quyết liệt trong chỉ đạo, triển khai thực hiện quy hoạch ngành, nhất là việc chưa dành quỹ đất và đầu tư xây dựng công trình TDTT phục vụ cho đào tạo VĐV theo mục tiêu đề ra tại Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Công tác tham mưu của cơ quan chuyên môn các cấp đối với việc tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách về lĩnh vực TDTT chưa kịp thời, chưa xứng tầm nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong lĩnh vực thể thao thành tích cao; việc tuyên truyền, hướng dẫn, vận động Nhân dân tham gia vào các hoạt động thể dục, thể thao chưa sâu rộng, chưa gắn với thực tiễn đời sống, phong tục tập quán của nhân dân.

2. Về lực lượng HLV, VĐV

2.1. Lực lượng HLV

Lực lượng HLV quá mỏng, ít được tham gia học tập, bồi dưỡng cập nhật chuyên môn nghiệp vụ nên chưa cập nhật được kiến thức mới, hiện đại về khoa học huấn luyện; trình độ ngoại ngữ của HLV còn hạn chế, do đó chưa tiếp cận thường xuyên được với tài liệu huấn luyện nước ngoài.

Một số HLV chưa đảm bảo vị trí việc làm theo yêu cầu chuyên môn, số HLV giỏi chưa nhiều, chưa được bồi dưỡng, bổ nhiệm ngạch HLV chính, HLV cao cấp (từ năm 2016 đến nay mỗi môn được bố trí 01 HLV). Đa số các HLV có tuổi đời còn trẻ, kinh nghiệm trong công tác huấn luyện chưa nhiều, vì vậy hiệu quả huấn luyện và thành tích thi đấu của VĐV chưa cao. Đội ngũ HLV, cán bộ thể thao cơ sở còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ.

2.2. Lực lượng VĐV

Công tác đào tạo VĐV thể thao thành tích cao chưa mang tính hệ thống khoa học theo quy mô hình tháp từ tuyển năng khiếu cơ sở đến tuyển đội tuyển tỉnh. Lực lượng VĐV đào tạo tập trung tập luyện tại tỉnh số lượng quá ít nên khó khăn đến việc phân tuyển đào tạo và đào tạo kế cận, VĐV các tuyển chưa đáp ứng, sự thiếu hụt VĐV các tuyển xảy ra thường xuyên.

VĐV ít được thi đấu giao lưu, đặc biệt là ít được tập huấn tại các trung tâm lớn và ít được tham gia thi đấu các giải toàn quốc nên kinh nghiệm thi đấu ít, quá trình tích lũy kinh nghiệm về kỹ, chiến thuật, tâm lý thi đấu còn rất hạn chế dẫn đến thành tích thi đấu không cao. Số lượng VĐV đạt đẳng cấp quốc gia, số VĐV được triệu tập vào đội tuyển trẻ, đội tuyển quốc gia không nhiều.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu

Quỹ đất dành cho TDTT từ tỉnh đến cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng với nhu cầu nhiệm vụ; cơ sở vật chất, sân tập luyện cho thể thao thành tích cao còn thiếu nhiều, chưa được nâng cấp, sửa chữa, không có nhà ăn, nhà ở, sinh hoạt dành riêng cho VĐV... Trang thiết bị tập luyện cho các môn chưa được đầu tư mới, hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu tập luyện nâng cao thành tích thể thao, cụ thể: Chưa có sân vận động tập luyện môn Điền kinh, nhà tập luyện môn Taekwondo xuống cấp không đáp ứng yêu cầu, chưa có địa điểm đủ tiêu chuẩn tập luyện môn Bắn cung. Hệ thống dụng cụ tập luyện chuyên môn và hỗ trợ thể lực cho VĐV rất hạn chế, chưa có phòng tập thể lực cho VĐV.

4. Về cơ chế, chính sách

Hiện nay tỉnh chưa có cơ chế, chính sách về việc thuê chuyên gia, HLV giỏi có trình độ cao làm công tác huấn luyện, chữa trị chấn thương, điều dưỡng, vật lý trị liệu... nhằm phục vụ cho các VĐV nâng cao trình độ chuyên môn, hồi phục thể lực trong quá trình tập luyện, tập huấn và thi đấu thể thao đỉnh cao. Chưa có chính sách và chế độ đãi ngộ nhằm thu hút các HLV, VĐV giỏi yên tâm với nghề hoặc đảm bảo được cuộc sống sau khi hết thời kỳ thi đấu đỉnh cao. Chưa có quy định sử dụng, chuyển nhượng VĐV các tuyển đào tạo trong tỉnh và các tỉnh, thành trên toàn quốc nhằm quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của VĐV và các tổ chức, đơn vị chuyển nhượng, sử dụng VĐV.

5. Về kinh phí

Tỷ trọng chi ngân sách đầu tư cho phát triển TDTT của tỉnh còn rất thấp so với khu vực và toàn quốc, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển thể thao thành tích cao trong giai đoạn hiện nay. Đầu tư của nhà nước cho phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh chưa xứng tầm so với tiềm năng, thế mạnh của địa phương, chưa theo kịp với biến động của giá cả thị trường, đặc biệt là kinh phí cấp cho công tác đào tạo VĐV, tập huấn, thi đấu cọ sát ngoài tỉnh, đầu tư trang thiết bị dụng cụ tập luyện, thi đấu còn rất hạn chế.

6. Thành tích thi đấu

Bình quân hằng năm ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập 07 đoàn VĐV tập huấn, tham gia các giải toàn quốc. Do số giải tham gia thi đấu trong năm rất ít, trung bình mỗi môn tham gia được 1,4 giải nên chưa đáp ứng nhu cầu tập huấn, thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn cho HLV, VĐV.

Thành tích thi đấu hạn chế, số lượng huy chương vàng đạt được rất ít và có xu hướng giảm dần qua các năm, huy chương đạt được chủ yếu là huy chương bạc, đồng ở các giải quy mô thấp như: Giải vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi, cúp các câu lạc bộ... Qua các kỳ Đại hội thể thao toàn quốc thành tích thi đấu và thứ hạng trên bảng tổng sắp huy chương có chiều hướng giảm, không theo kịp với sự phát triển chung của các tỉnh, thành trong khu vực miền núi và toàn quốc.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân chủ quan

Công tác tham mưu, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển thể thao thành tích cao chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Mặc dù UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 xong việc triển khai thực hiện còn chậm.

Việc tham mưu để khắc phục những khó khăn chưa được kịp thời như huy động nguồn đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện, điều kiện sinh hoạt, chế độ chính sách, cơ chế đãi ngộ đối với HLV, VĐV tài năng...

Lực lượng HLV chưa đảm bảo theo vị trí việc làm và chưa đúng theo định hướng phát triển các môn thể thao. Công tác đào tạo VĐV chưa có tính hệ thống, khoa học và chưa đồng bộ giữa các tuyến (từ năng khiếu đến tuyển đội tuyển tỉnh).

2. Nguyên nhân khách quan

Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, nguồn ngân sách chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư cho phát triển thể thao thành tích cao. Mặc dù đã thực hiện xong việc quy hoạch quỹ đất dành cho TDTT nhưng khó khăn trong bố trí nguồn kinh phí để giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng các công trình theo quy hoạch.

Chỉ tiêu biên chế hạn hẹp nên đội ngũ cán bộ, HLV thể thao từ tỉnh đến cơ sở còn ít về số lượng, chưa đáp ứng yêu cầu chuyên môn. Thiết chế TDTT cấp huyện đã được thành lập, tuy nhiên chưa phát huy hết vai trò trong công tác đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu thể thao tại các địa phương.

Các chính sách đặc thù đối với công tác huấn luyện, đào tạo VĐV thể thao thành tích cao chưa thực sự tạo động lực tích cực để cho các HLV, VĐV phấn đấu cống hiến. Chính sách về xã hội hóa trong lĩnh vực TDTT chưa thực sự khuyến khích, thu hút được tiềm năng, nguồn lực của các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thể thao thành tích cao tại địa phương.

Sự đồng thuận của người dân về hướng nghiệp TDTT cho thế hệ trẻ chưa cao, đại đa số người dân xem thể thao là để giải trí, nâng cao sức khỏe, chưa coi thể thao là định hướng nghề nghiệp nên có nhiều khó khăn trong việc vận động các năng khiếu thể thao phấn đấu trở thành VĐV chuyên nghiệp.

Phần thứ ba

NỘI DUNG PHÁT TRIỂN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2022-2030

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO ĐẾN NĂM 2030

1. Quan điểm

Đầu tư phát triển TDTT là trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội và toàn thể Nhân dân, là yếu tố quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, tăng cường thể lực, tầm vóc, tăng tuổi thọ người dân và lành mạnh hóa lối sống của thanh thiếu niên, đồng thời là nhiệm vụ phát triển nhân tài cho tỉnh.

Phát triển thể thao thành tích cao mang tính đột phá, bền vững cả về số lượng VĐV và chất lượng đào tạo, vừa là mục tiêu, động lực phát triển thể thao quần chúng, lấy trọng tâm là thể thao trường học làm nền tảng, đối tượng thiếu niên, học sinh làm nguồn tuyển chọn VĐV năng khiếu thể thao cho tỉnh; đảm bảo tính kế thừa có sự điều chỉnh, bổ sung cho đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng thực tế, điều kiện kinh tế - xã hội và các nguồn lực có thể đáp ứng của địa phương. Phát triển thể thao thành tích cao theo quy hoạch, chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh cũng như nguồn tài năng thể thao của cả nước.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Lựa chọn mô hình, định hướng phát triển và các giải pháp phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương để tập trung tuyển chọn, đào tạo VĐV thể thao thành tích cao ở một số môn thể thao trọng điểm có khả năng phát triển bền vững và có thể giành được thành tích cao tại các giải thể thao quốc gia, đặc biệt là giành huy chương tại các kỳ đại hội thể thao toàn quốc trong thời gian tới.

Định hướng tập trung nguồn lực đầu tư trọng tâm, trọng điểm, chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công tác chuyên môn đảm bảo cho phát triển thể thao thành tích cao. Từng bước hoàn thiện tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao, xác định một số môn thể thao cá nhân có thế mạnh và phù hợp với đặc điểm thể chất con người Bắc Kạn để đào tạo, huấn luyện nâng cao thành tích thi đấu, thu hẹp khoảng cách trình độ thể thao với các tỉnh trong toàn quốc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2026

- Đào tạo tập trung từ 35 đến 39 đến VĐV/năm ở các tuyến của 4 môn thể thao hiện có là: Điền kinh, Taekwondo, KickBoxing và Muay. Phát triển mới thêm môn Đẩy gậy với 20 VĐV/năm được đào tạo theo hình thức bán tập trung.

- Phấn đấu đạt từ 18-25 huy chương/năm, 3-5 lượt VĐV kiện tướng, 6-8 lượt VĐV cấp I quốc gia/năm.

- Từng bước tăng số lượng VĐV được tập trung tại các đội tuyển trẻ, đội tuyển quốc gia.

2.2.2. Giai đoạn từ năm 2027 đến năm 2030

- Tăng số lượng VĐV đào tạo tập trung lên 60 VĐV/năm ở các tuyến của các môn: Điền kinh, Taekwondo, KickBoxing, Muay. Duy trì môn Đẩy gậy đào tạo 20 VĐV/năm ở tuyến bán tập trung. Phát triển mới thêm môn Bóng bàn với 15 VĐV năng khiếu/năm, được đào tạo theo hình thức bán tập trung.

- Phấn đấu đạt từ 25-30 huy chương/năm, 6-8 lượt VĐV kiện tướng, 9-15 lượt VĐV cấp I quốc gia/năm.

- Tiếp tục tăng số lượng VĐV được tập trung tại các đội tuyển trẻ, đội tuyển quốc gia.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

1. Xác định phát triển các môn thể thao trọng điểm

Xác định phát triển các môn thể thao cá nhân làm trọng điểm, trước tiên dựa trên các điều kiện cơ sở vật chất, sân tập, điều kiện đảm bảo về lực lượng HLV, cán bộ chuyên môn và dự báo tình hình phát triển của từng môn, thể mạnh và phong trào thực tế của địa phương để định hướng đầu tư phát triển, bao gồm:

- Các môn trọng điểm nhóm 1 (có nhiều khả năng giành huy chương tại giải vô địch quốc gia): Taekwondo, KickBoxing, Muay.

- Các môn trọng điểm nhóm 2 (có tiềm năng và có nhiều khả năng giành huy chương tại giải trẻ quốc gia): Điền kinh.

- Các môn trọng điểm nhóm 3 (có phong trào, có truyền thống và có khả năng giành huy chương tại giải trẻ, giải lứa tuổi quốc gia): Đẩy gậy, Bóng bàn.

2. Công tác tuyển chọn, đào tạo nâng cao trình độ, thành tích của VĐV

2.1. Công tác tuyển chọn

Hàng năm xây dựng kế hoạch, hệ thống các test chuyên môn, các chỉ số y, sinh học, thể hình, yếu tố di truyền... và áp dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật trong công tác tuyển chọn VĐV.

Công tác tuyển chọn ban đầu phải sàng lọc được những VĐV xuất sắc, có năng khiếu, có tiềm năng phát triển về trình độ chuyên môn, thể hình, thể lực... đáp ứng yêu cầu giành thành tích cao trong tương lai.

Thành lập hội đồng tuyển chọn gồm những người có trình độ, kinh nghiệm chuyên môn để xem xét, đánh giá, lựa chọn các VĐV đáp ứng tốt các yêu cầu của chuyên môn và dự báo khả năng phát triển thành tích thi đấu.

2.2. Công tác đào tạo, huấn luyện

Hàng năm có kế hoạch, tổ chức sàng lọc, thành lập các đội tuyển tuyển tỉnh; áp dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật, tổ chức đào tạo đảm bảo nguyên tắc huấn luyện ban đầu, giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa ban đầu và giai đoạn chuyên môn hóa sâu, tập trung nội dung chủ yếu là huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật, thể lực và tâm lý, tạo điều kiện vững chắc cho VĐV nhanh chóng phát huy tối ưu khả năng của bản thân để sẵn sàng đạt thành tích cao. Các tuyển đội tuyển của tỉnh gồm:

- Đội tuyển tỉnh: Là các VĐV có đủ năng lực, trình độ chuyên môn tham gia thi đấu và có khả năng giành huy chương tại các giải vô địch quốc gia, đại hội thể thao toàn quốc, tập luyện tập trung tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT hoặc gửi đào tạo tại các trung tâm thể thao lớn trong toàn quốc. Số lượng VĐV đội tuyển tỉnh cụ thể như sau:

TT	Môn	Năm							
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Taekwondo	1	2	2	2	4	6	7	7
2	Điền kinh	1	1	1	1	2	2	2	2
3	Muay	1	1	2	2	2	3	3	3
4	Kickboxing	1	1	2	2	2	3	3	4
Tổng số		4	5	7	7	10	14	15	16

- **Đội tuyển trẻ tỉnh:** Là lực lượng VĐV kế cận cho các đội tuyển tỉnh, có đủ năng lực, trình độ chuyên môn tham gia thi đấu và có khả năng giành huy chương tại các giải trẻ, giải vô địch trẻ quốc gia, tập luyện tập trung tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao hoặc gửi đào tạo tại các trung tâm thể thao lớn trong toàn quốc. Số lượng VĐV đội tuyển trẻ tỉnh cụ thể như sau:

TT	Môn	Năm							
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Taekwondo	2	3	4	4	6	7	7	8
2	Điền kinh	2	2	2	2	2	3	3	4
3	Muay	2	2	2	3	3	3	5	5
4	Kickboxing	2	2	2	2	3	3	4	4
Tổng số		8	9	10	11	14	16	19	21

- **Đội tuyển năng khiếu tập trung:** Là các VĐV lứa tuổi trẻ được tuyển chọn thông qua các kỳ tuyển chọn VĐV, tập luyện tập trung tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT. Số lượng VĐV đội tuyển năng khiếu tập trung cụ thể:

TT	Môn	Năm							
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Taekwondo	12	10	7	7	15	12	11	10
2	Điền kinh	5	5	3	3	11	10	10	9
3	Muay	5	5	4	4	5	4	2	2
4	Kickboxing	5	5	4	3	5	4	3	2
Tổng số		27	25	18	17	36	30	26	23

- **Đội tuyển năng khiếu bán tập trung:** Là các năng khiếu thể thao được sàng lọc qua các hoạt động tập luyện và thi đấu thể thao ở cơ sở, tập luyện bán tập trung tại các huyện, thành phố (ăn ngủ tại gia đình). Số lượng VĐV đội tuyển năng khiếu bán tập trung cụ thể như sau:

TT	Môn	Năm							
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Đẩy gậy	20	20	20	20	20	20	20	20
2	Bóng bàn					15	15	15	15
Tổng số		20	20	20	20	35	35	35	35

(Chi tiết tại phụ lục số 1)

2.3. Tham gia thi đấu các giải thể thao khu vực và toàn quốc

Xây dựng kế hoạch thi đấu hàng năm với mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, chuẩn bị lực lượng từ sớm, dài hạn, thực hiện hợp đồng một số HLV giỏi, đẩy mạnh việc đầu tư sâu về chuyên môn cho VĐV để tập luyện và thi đấu. Tăng cường tổ chức cho VĐV được tập huấn trước thi đấu tại các trung tâm thể thao mạnh trong nước để nâng cao năng lực chuyên môn. Số lượng huy chương và chất lượng VĐV phần đấu đạt được trong giai đoạn 2023-2030:

Năm	Số cuộc tham gia thi đấu toàn quốc	Huy chương (cái)				Số VĐV cấp quốc gia (lượt)		
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
			HCV	HCB	HCB		Kiến tướng	Cấp I
2023	13	18	3	6	9	9	3	6
2024	13	19	4	6	9	10	3	7
2025	15	20	5	6	9	11	4	7
2026	15	22	6	7	9	13	5	8
2027	17	24	7	7	10	15	6	9
2028	17	25	7	8	10	16	6	10
2029	17	26	7	9	10	19	7	12
2030	17	30	7	10	13	23	8	15

3. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ đào tạo VĐV thể thao thành tích cao

3.1. Đảm bảo lực lượng HLV

Thực hiện tuyển dụng HLV các môn đảm bảo đủ số lượng, chất lượng chuyên môn làm công tác huấn luyện tại các đội tuyển. Chú trọng tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ huấn luyện thể thao, các lớp HLV kế cận có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo từng giai đoạn. Bổ sung lực lượng chuyên gia, HLV giỏi làm công tác huấn luyện cho các đội tuyển tuyển tỉnh. Cụ thể:

TT	Năm Môn	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
		1	Taekwondo	2	2	2	2	2	2
2	Điền kinh	2	2	2	2	2	2	2	2
3	KickBoxing	1	1	1	2	2	2	2	2
4	Muay	1	1	1	1	1	1	1	1
5	Đẩy gậy	1	1	1	1	2	2	2	2
6	Bóng bàn					1	2	2	2
	Tổng số	7	7	7	8	10	11	11	11

3.2. Đảm bảo lực lượng cán bộ quản lý

Bố trí đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý, từng bước tuyển dụng, hợp đồng đủ số lượng cán bộ chuyên môn đáp ứng nhiệm vụ điều trị chấn thương, vật lý trị liệu phục hồi chức năng, điều dưỡng, cấp dưỡng và tư vấn tâm lý... tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT nhằm phục vụ cho các VĐV nâng cao sức khỏe trong quá trình tập luyện, tập huấn và thi đấu ở môi trường thể thao đỉnh cao.

4. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo VĐV các môn thể thao

Tập trung khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để duy trì đào tạo VĐV các tuyển như: Nhà thi đấu, nhà tập luyện, các sân thể thao ngoài trời tại tỉnh, sân tập tại các Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông các huyện, thành phố, sân thể thao các xã, phường, thị trấn, trường học....

Giai đoạn năm 2023-2026: Bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị tập luyện và thi đấu các đội tuyển tuyển tỉnh và đào tạo VĐV tuyển bán tập trung; bố trí nguồn vốn đầu tư công xây mới nhà ở cho VĐV, phục vụ ăn, ở, sinh hoạt, học tập văn hóa cho VĐV tại khu sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ.

Giai đoạn năm 2027-2030: Tiếp tục bố trí ngân sách đầu tư công xây dựng mới nhà tập luyện các môn thể thao và các sân tập các môn thể thao ngoài trời tại khu sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ.

III. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về công tác phát triển TDTT

Tiếp tục tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển TDTT nhằm đẩy mạnh phát triển sự nghiệp TDTT; sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương, nhất là cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền sâu rộng phương hướng, nhiệm vụ phát triển TDTT nói chung, thể thao thành tích cao nói riêng nhằm thu hút ngày càng đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia, đồng thời vận động các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển TDTT.

2. Tăng cường công tác chuyên môn phục vụ phát triển thể thao thành tích cao

2.1. Về TDTT quần chúng

Đẩy mạnh triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 492/KH-UBND ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển TDTT quần chúng giai đoạn 2022-2030.

Đẩy mạnh phong trào thể thao trường học, xây dựng các loại hình câu lạc bộ TDTT trường học; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các sân chơi, công trình thể thao xã, phường, thị trấn và các trường học tạo điều kiện cho các đối tượng tham gia tập luyện TDTT, từ đó phát hiện, tuyển chọn được các năng khiếu thể thao. Xây dựng hệ thống giải thi đấu các cấp hàng năm, trong đó có các môn thể thao trọng điểm và chú trọng cho đối tượng thanh, thiếu niên, học sinh tham gia thi đấu để tuyển chọn được các năng khiếu thể thao bổ sung cho các đội tuyển tỉnh.

2.2. Về thể thao thành tích cao

Căn cứ vào tiến độ đầu tư cơ sở vật chất, sân tập, chỗ sinh hoạt cho VĐV, điều kiện về kinh phí, về lực lượng HLV, cán bộ chuyên môn và dự báo tình hình phát triển của từng môn để điều chỉnh phát triển một số môn phù hợp với điều kiện của tỉnh trong giai đoạn 2027-2030 đảm bảo với nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch.

Chú trọng chất lượng tuyển chọn VĐV tuyển năng khiếu, VĐV được tuyển chọn phải xuất sắc và được sàng lọc kỹ qua quá trình thi đấu, hạn chế tối đa việc thanh loại VĐV quá sớm. Căn cứ vào số lượng thanh loại những VĐV kém phát triển hoặc hết khả năng giành thành tích cao trong từng giai đoạn huấn luyện để xây dựng kế hoạch, chu kỳ tuyển chọn và đào tạo bổ sung cho phù hợp.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, huấn luyện đảm bảo về yêu cầu chuyên môn của từng đội tuyển, từng bộ môn, hệ thống hóa kế hoạch huấn luyện ngắn hạn, dài hạn, kế hoạch thi đấu cọ xát và giáo án lên lớp cụ thể để VĐV được tập luyện trong môi trường chuyên môn hóa sâu. Tăng cường ứng dụng khoa học huấn luyện thể thao và y sinh học thể thao trong đào tạo VĐV, định kỳ tiến hành kiểm tra chuyên môn, y sinh học... nhằm đánh giá tổ chất, triển vọng phát triển của VĐV, kịp thời điều chỉnh, lựa chọn lực lượng giữa các tuyển.

Xây dựng kế hoạch tập huấn, thi đấu các giải quốc gia đảm bảo khoa học, hợp lý, có kế hoạch sớm và dài hạn để chuẩn bị lực lượng VĐV, đầu tư chuyên môn cho các đội tuyển tỉnh tham gia các kỳ đại hội thể thao toàn quốc nhằm đạt được kết quả cao nhất.

Bổ sung lực lượng chuyên gia, HLV giỏi về làm công tác huấn luyện cho các đội tuyển. Thường xuyên đăng cai tổ chức các giải thể thao cấp quốc gia nhằm quảng bá hình ảnh Bắc Kạn, đồng thời tạo cơ hội để tăng cường giao lưu học tập, tiếp cận với trình độ của các VĐV trong toàn quốc;

Xây dựng quy chế quản lý VĐV, đảm bảo kỷ luật sinh hoạt, tập luyện và học văn hóa đối với VĐV; phối hợp thực hiện đảm bảo việc tổ chức học tập văn hóa cho VĐV trẻ; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, đảm bảo môi trường ăn, ở, học tập, tập luyện cho VĐV; có quy định về sử dụng, chuyển nhượng VĐV trong đó nêu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của VĐV và các tổ chức, đơn vị chuyển nhượng, sử dụng VĐV.

3. Kiện toàn bộ máy quản lý và nhân lực tham gia đào tạo VĐV

Tiếp tục củng cố và kiện toàn tổ chức, bộ máy đảm bảo chức năng của bộ phận chuyên biệt về quản lý, giáo dục, nuôi dưỡng VĐV và bộ phận chuyên môn tuyển chọn, đào tạo VĐV đảm bảo ở các tuyến đội tuyển của tỉnh. Từng bước tuyển dụng, hợp đồng lực lượng cán bộ, HLV đảm bảo về số lượng, chất lượng đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ, chức năng của từng lĩnh vực hoạt động chuyên môn. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch đội ngũ HLV, HLV chính, HLV cao cấp tại các đội tuyển tỉnh, đảm bảo về số lượng, chất lượng đội ngũ HLV bán tập trung tại các huyện, thành phố.

4. Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho thể thao thành tích cao

Chỉ đạo các đơn vị, địa phương sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để phục vụ cho đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu thể thao các tuyến, đồng thời tiếp tục triển khai các nhiệm vụ phát triển TDTT theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh.

Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị TDTT theo Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đảm bảo cơ sở vật chất văn hóa, thể thao tỉnh giai đoạn 2021-2025, trước hết tập trung vào sửa chữa khu nhà ở của VĐV, bố trí nguồn ngân sách đầu tư công theo từng giai đoạn để xây mới nhà ở của VĐV, xây mới nhà tập thể thao và các sân thể thao ngoài trời tại khu sân vận động tỉnh, dần hình thành Khu liên hợp thể thao tỉnh đảm bảo cho công tác đào tạo VĐV. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Sân vận động và các hạng mục phụ theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ.

5. Tăng cường công tác phối hợp, hợp tác tuyển chọn, đào tạo VĐV

Nâng cao hiệu quả các chương trình phối hợp giữa các ngành, các cấp, tổ chức các giải thể thao học sinh, đưa các môn trọng điểm vào giảng dạy chính khóa và các hoạt động ngoại khóa; phối hợp với các cơ sở y tế về công tác chữa trị chấn thương cho VĐV, hướng dẫn sử dụng các loại thuốc, thực phẩm chức năng theo đúng quy định nhằm phục vụ việc nâng cao thể lực cho VĐV.

Chủ động liên kết, hợp tác với các Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT một số tỉnh, thành, ngành để tranh thủ sự giúp đỡ về chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện... nhằm hỗ trợ cho công tác đào tạo các VĐV tài năng của tỉnh.

6. Xây dựng cơ chế, chính sách đối với VĐV, HLV

Đảm bảo các chế độ, chính sách đối với HLV, VĐV theo quy định của Trung ương, của tỉnh; có chính sách hỗ trợ và chế độ đãi ngộ đặc biệt nhằm khuyến khích các HLV giỏi, VĐV ưu tú ký hợp đồng dài hạn và yên tâm công tác, cống hiến hết tài năng cho thể thao thành tích cao tỉnh.

7. Từng bước xã hội hóa hoạt động thể thao thành tích cao

Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và các hoạt động đào tạo VĐV với hình thức các câu lạc bộ tập luyện và trung tâm đào tạo VĐV... Nghiên cứu, xem xét chuyển giao công tác đào tạo, huấn luyện VĐV cho các Liên đoàn thể thao của tỉnh thực hiện khi đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn.

Khuyến khích lập các quỹ hỗ trợ phát triển tài năng thể thao do các tổ chức, cá nhân đứng ra góp vốn nhằm hỗ trợ cho công tác đào tạo VĐV, thi đấu các giải và khen thưởng các VĐV khi đạt thành tích xuất sắc.

Phần thứ tư NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kinh phí triển khai thực hiện Đề án được bố trí nguồn từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Đề án là **77.936.990.000đ** (*chi tiết tại Phụ lục số 7*). Cụ thể:

I. NGUỒN NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP

1. Kinh phí giai đoạn 2023-2026, dự kiến 22.349.510.000đ. Trong đó:

- Chi tiền lương, tiền hỗ trợ, tiền dinh dưỡng cho VĐV và tiền dinh dưỡng cho HLV tập luyện của các đội tuyển là: 16.105.460.000đ (*chi tiết tại Phụ lục số 2*).
- Chi cho các đội tuyển tham gia thi đấu các giải khu vực và toàn quốc: 4.894.260.000đ (*chi tiết tại Phụ lục số 3 và số 4*).
- Chi mua sắm trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu: 1.349.790.000đ (*chi tiết tại Phụ lục số 5*).

2. Kinh phí giai đoạn 2027-2030, dự kiến 36.587.480.000đ. Trong đó:

- Chi tiền lương, tiền hỗ trợ, tiền dinh dưỡng cho VĐV và tiền dinh dưỡng cho HLV tập luyện của các đội tuyển là: 27.836.600.000đ (*chi tiết tại Phụ lục số 2*).
- Chi cho các đội tuyển tham gia thi đấu các giải khu vực và toàn quốc: 7.336.700.000đ (*chi tiết tại Phụ lục số 3 và số 4*).
- Chi mua sắm trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu: 1.414.180.000đ (*chi tiết tại Phụ lục số 5*).

(*Dự kiến tổng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp cả 2 giai đoạn là 58.936.990.000đ*).

II. NGUỒN NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ CÔNG

1. Giai đoạn năm 2023-2026:

Xây mới nhà phục vụ ăn, ở, sinh hoạt, học tập văn hóa cho VĐV tại khu sân vận động tỉnh 7.000.000.000đ (*chi tiết tại Phụ lục số 6*).

2. Giai đoạn năm 2027-2030: 12.000.000.000đ. Trong đó:

- Xây dựng nhà tập luyện các môn thể thao cho VĐV tại khu sân vận động tỉnh: 7.000.000.000đ (*chi tiết tại Phụ lục số 6*).

- Xây dựng sân tập luyện ngoài trời một số môn thể thao tại VĐV tại khu sân vận động tỉnh: 5.000.000.000đ (*chi tiết Phụ lục số 6*).

(*Dự kiến tổng kinh phí từ nguồn đầu tư công cả 2 giai đoạn là 19.000.000.000đ*).

Phần thứ năm TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án, trọng tâm là tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tuyển chọn, đào tạo VĐV. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo từng giai đoạn, đảm bảo đúng quy hoạch, quy định, hiệu quả, tránh lãng phí.

Tham mưu xây dựng và thực hiện các cơ chế chính sách liên quan đến phát triển sự nghiệp TDTT nói chung và thể thao thành tích cao nói riêng, đặc biệt chính sách về sử dụng dịch vụ công lĩnh vực TDTT, chính sách thu hút, đãi ngộ đối với VĐV, chính sách hợp đồng với các HLV giỏi, chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo VĐV. Xây dựng quy chế tuyển chọn, thanh loại, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng VĐV các tuyến trên địa bàn tỉnh và với các tỉnh có hợp tác đào tạo VĐV.

Chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành liên quan triển khai công tác tuyển chọn, đào tạo, giáo dục và chăm sóc lực lượng VĐV các tuyến.

Lập kế hoạch chi tiết theo từng giai đoạn và từng năm để triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức sơ kết vào năm 2026 và tổng kết thực hiện đề án vào năm 2030; tham mưu điều chỉnh, thay thế những môn thể thao kém hiệu quả và đề xuất bổ sung thêm các môn thể thao có thể mạnh, có khả năng giành huy chương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế của tỉnh.

Phối hợp với các cơ quan báo chí tổ chức tuyên truyền về công tác đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao của tỉnh.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện Đề án theo quy định hiện hành. Phối hợp hướng dẫn và giám sát việc sử dụng kinh phí đảm bảo theo quy định.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, tham mưu trình cấp thẩm quyền ban hành nghị quyết, quyết định về cơ chế đặc thù, chính sách đãi ngộ, khuyến khích đối với VĐV có thành tích cao, HLV giỏi.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tham mưu cân đối vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2026-2030 và hàng năm của tỉnh để thực hiện xây mới nhà ở cho VĐV, nhà tập luyện, sân tập luyện thể thao ngoài trời... theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu xây dựng chính sách khuyến khích, vận động, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư trong việc phát triển thể thao thành tích cao.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu cho cấp có thẩm quyền bố trí đảm bảo nhu cầu đội ngũ HLV các môn thể thao, thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ đặc biệt đối với cán bộ, chuyên gia, HLV có trình độ chuyên môn cao và các VĐV xuất sắc của tỉnh có mong muốn được tuyển dụng để tiếp tục làm công tác huấn luyện VĐV thể thao thành tích cao của tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nâng cao chất lượng các hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, nâng cao chất lượng, thành tích thể thao tại Hội khỏe Phù Đổng các cấp; phối hợp tuyển chọn, huấn luyện VĐV tham gia các giải thể thao toàn quốc và Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc; thực hiện công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên TDTT. Tổ chức duy trì bồi dưỡng năng khiếu thể thao tại một số trường học, chỉ đạo phát triển câu lạc bộ TDTT trong các trường học.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tạo điều kiện thuận lợi về học văn hóa phù hợp với chương trình tập luyện, tập huấn và thi đấu của VĐV là học sinh phổ thông đang học tại các nhà trường để VĐV có thời gian tập trung tập luyện, nâng cao thành tích thi đấu.

6. UBND các huyện, thành phố

Chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông đẩy mạnh tổ chức lớp năng khiếu thể thao, các câu lạc bộ thể thao, các hoạt động tập luyện và thi đấu thể thao trong Nhân dân, nhất là trong đối tượng trẻ, thiếu niên và nhi đồng để tạo nguồn VĐV và từng bước cung cấp các VĐV tài năng cho các đội tuyển tỉnh.

Quan tâm quy hoạch đất cho hoạt động TDTT; huy động các nguồn lực và triển khai đầu tư về cơ sở vật chất, các công trình TDTT, trang thiết bị TDTT đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo từng giai đoạn, đảm bảo đúng quy hoạch, quy định, hiệu quả, tránh lãng phí.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân dành quỹ đất, xây dựng cơ sở vật chất TDTT ở cơ sở, các điểm vui chơi giải trí tại các địa bàn khu dân cư và khuyến khích các thành phần kinh tế kinh doanh các dịch vụ TDTT hỗ trợ đầu tư nhằm tạo điều kiện cho Nhân dân được hưởng thụ và tham gia các hoạt động TDTT.

7. Các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo hiệu quả, đúng quy định./.